

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 10/11/2021

(V/v: tranh chấp ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga, ông Bùi Thanh Nhiên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Bùi Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 98/ 2021/ TLST- HNGĐ ngày 16/4/2021, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021.

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Bích P, sinh năm 1992

Nơi ĐKKH: Tiểu khu 26/3, xã C, huyện M, tỉnh S;

Tạm trú: Số 07, tổ 04, phường T, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Việt C, sinh năm 1985

Nơi ĐKKH: Tiểu khu 26/3, xã C, huyện M, tỉnh S;

Tạm trú: Số 07, tổ 04, phường T, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Bích P yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Bích P và anh Lò Việt C đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh S ngày 20/10/2011 trên cơ sở cả hai bên hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường nhưng cách đây khoảng 03 năm bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nhiều khi cãi vã và có lúc va chạm căng thẳng. Chị P và anh C về quê ngoại sinh sống tại Thành phố H.

Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân, chị P xin ly hôn. Anh C nói với chị P là không đến Tòa án, chị P cứ giải quyết theo nguyện vọng.

Về con chung: chị P xin nuôi hai con con gái lớn là Lò Phương N sinh ngày 04/5/2013; con trai nhỏ là Lò Bảo K sinh ngày 21/10/2015.

Về tài sản chung: chị Phương trình bày anh, chị không có tài sản gì chung.

Về công nợ chung: không có khoản nợ chung nào.

2. Đối với bị đơn anh Lò Việt C: Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần xong anh C không đến để giải quyết và đã có giấy tờ, văn bản đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết việc ly hôn của anh chị và giải quyết ly hôn vắng mặt anh C với lý do dịch Covid diễn biến phức tạp, anh C không thể đến Tòa án để giải quyết được. Trong giấy tờ, văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố H qua đường Bưu điện, có xác nhận của Chính quyền địa phương, anh C có ý kiến đúng như chị P trình bày anh đồng ý ly hôn nhưng muốn nuôi con trai. Không yêu cầu cấp dưỡng.

3. Những nội dung thống nhất, không thống nhất:

Những nội dung thống nhất:

- Chị P và anh C đều nhất trí việc Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

- Chị P và anh C đều thống nhất quan điểm giải quyết về con chung sau khi ly hôn: chị P nuôi con gái và anh C nuôi con trai; không ai có yêu cầu cấp dưỡng.

- Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Nội dung không thống nhất: không.

4. Ý kiến của đại diện VKSND tham gia phiên tòa:

**/ Về tố tụng:* phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự đã bảo đảm quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**/ Về nội dung vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị P được ly hôn với anh C.

Giao cho chị P nuôi con gái, anh C nuôi con trai; các vấn đề khác không đề cập giải quyết.

- *Về án phí và quyền kháng cáo:* đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị P và anh C cùng các con về nhà ngoại ở Tổ 4, Phường T, Thành phố H, tỉnh H sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tạm trú hợp pháp. Anh C đã có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết ly hôn và giải quyết việc ly hôn vắng mặt anh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố H.

Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn trình bày ý kiến, từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết việc ly hôn theo đơn khởi kiện của chị P vắng mặt anh C. Giấy tờ, văn bản anh C gửi qua đường Bưu điện, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đồng thời, qua việc gửi tổng đạt văn bản, TAND huyện M, tỉnh S cũng ghi nhận ý kiến này của anh Lò Việt C. Nguyên đơn chị Bùi Bích P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ việc vắng mặt chị P. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng là các Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... đã bảo đảm đúng quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giải quyết, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng đã bảo đảm các quy định tại Khoản 2, 4 Điều 207; Điều 208; Khoản 3 Điều 210; Khoản 1, 2 - Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, hiệc hoãn phiên tòa lần thứ nhất cũng đã bảo đảm quy định tại Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm quyền được tham gia tố tụng của anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Bích P và anh Lò Việt C kết hôn ngày 06/10/2011, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự khác nhau về cách suy nghĩ và lối sống của mỗi bên. Đến nay hai vợ chồng chị P anh C đã sống ly thân được khoảng hơn 01 năm. Như vậy, tình trạng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P có nguyện vọng xin được ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống. Bản thân anh C cũng nhất trí ly hôn. Xét ý kiến của hai bên đương sự và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát - Hội đồng xét xử xét thấy nên xử cho chị P được ly hôn với anh C theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về con chung: cần chấp nhận theo ý kiến hai bên đương sự và nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị P anh C đều khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Bùi Bích P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 177; Khoản 2, 4 Điều 207; Điều 208; Khoản 3 Điều 210; Khoản 1, 2 - Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 233; 238; 254 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. *Về quan hệ hôn nhân* : xử cho chị Bùi Bích P được ly hôn với anh Lò Việt C.

2. *Về con chung:* giao cho chị Bùi Bích P được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con gái Lò Phương N, sinh ngày 04/5/2013 và giao cho anh Lò Việt C được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con trai Lò Bảo K 21/10/2015 cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nữa. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung theo pháp luật.

3. *Về án phí:* chị Bùi Bích P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004284 ngày 14/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. *Về quyền kháng cáo:* nguyên đơn (chị P) có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh H để xét xử theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn (anh C) có quyền kháng cáo tương tự trong thời hạn nêu trên kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố Hòa Bình;
- VKSND Tỉnh Hòa Bình;
- THADS Tp. Hòa Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã C,
- H: M, T: S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Lan Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Bùi Thanh Nhiên

Phạm Thị Nga

Đinh Lan Hương